TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 29/8/2018.
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung – Trung - Cán bộ TAND huyện C.
- *Đại diện VKSND huyện C tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn T T, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông (có mặt).
- *Bị đơn:* Anh Đàm Văn L, sinh năm 1973.
Địa chỉ: Thôn T T, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017, biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Trần Thị D và anh Đàm Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1999 cho đến nay, tuy nhiên quá trình chung sống chị D và anh L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, theo chị D lý do chị và anh L không đăng ký kết hôn là sự thiếu hiểu biết về pháp luật nên chị và anh L không đi đăng ký kết hôn theo quy định.

Chị D và anh L chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh L hay ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, anh L uống rượu say xỉn về và đánh chửi vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra rất

nhiều năm và kéo dài cho đến nay, cuộc sống chung không có hạnh phúc nhưng vì con nên chị D cố gắng duy trì cuộc sống gia đình. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có tình cảm, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay nên chị D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh L.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống chị D và anh L có 02 con chung là Đàm Thành Đ, sinh ngày 10/10/2000 và Đàm Minh Đ, sinh ngày 29/12/2002.

Chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Đ và cháu Đ cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh L và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L, về con chung chị D vẫn giữa nguyên nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Đ và cháu Đ cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2018 cháu Đàm Thành Đ trình bày:

Do bố mẹ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, bố mẹ ly hôn cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2018 cháu Đàm Minh Đ trình bày:

Do bố mẹ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không có hạnh phúc, trường hợp bố mẹ ly hôn cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, hòa giải, xét xử, nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc bị đơn là anh Đàm Văn L mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản hợp lệ, tuy nhiên anh L nhiều lần vắng mặt tại tòa án không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Đàm Văn L theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Đàm Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1. Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết việc ly hôn với anh Đàm Văn L, anh L là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại thôn T T, xã N D, huyện C, tỉnh Đắk Nông và hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

Căn cứ mở phiên tòa: Bị đơn là anh Đàm Văn L mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện C niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự].

[2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Đàm Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1999 cho đến nay, tuy nhiên quá trình chung sống chị D và anh L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, theo chị D lý do chị và anh L không đăng ký kết hôn là sự thiếu hiểu biết về pháp luật nên chị và anh L không đi đăng ký kết hôn theo quy định

Chị D và anh L chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh L thường hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu say xỉn về và đánh chửi vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra rất nhiều năm và kéo dài cho đến nay, cuộc sống chung không có hạnh phúc nhưng vì con nên chị D cố gắn duy trì cuộc sống gia đình. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có tình cảm, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2018 cho đến nay nên chị D yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh L.

Qua kết quả xác minh, việc chị D và anh L có mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân là có thật, do đó yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

- Về con chung: Xét thấy cháu Đàm Thành Đ, sinh ngày 10/10/2000 hiện gần đủ tuổi thành niên nên cần giao cho chị D nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Cháu Đàm Minh Đ, sinh ngày 29/12/2002 hiện đang được chị D trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên HĐXX xét thấy cần giao cháu Đ cho chị D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Chị D và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về nợ chung: Chị D khai chị D và anh L không có nợ chung, chị D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét].

[3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án].

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Đàm Văn L.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Đàm Thành Đ, sinh ngày 10/10/2000 và Đàm Minh Đ, sinh ngày 29/12/2002 cho chị Trần Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.Chị D không yêu cầu anh Lê cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh L được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001003 ngày 22/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKSND huyện C;
- CCTHDS huyện C;
- UBND xã ND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.